

CÔNG TY: CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội

Địa chỉ: D14 -D6 Khu Đô thị mới Cầu giấy, Đường số 3 Trần Thái

Tel: 04 37.925.300 Fax: 04 37.925.301

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm tài chính 2012

Mẫu số: Q-01d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139,165,331,317	146,722,871,082
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		70,708,068,212	71,549,722,915
1. Tiền	111		2,608,068,212	1,459,722,915
2. Các khoản tương đương tiền	112		68,100,000,000	70,090,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11,942,654,521	11,942,654,521
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11,942,654,521	11,942,654,521
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23,157,479,979	37,430,107,075
1. Phải thu khách hàng	131		20,670,327,359	33,414,572,467
2. Trả trước cho người bán	132		512,842,980	350,341,702
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135		3,600,980,819	5,291,864,085
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-1,626,671,179	-1,626,671,179
IV. Hàng tồn kho	140		31,002,961,367	24,032,300,861
1. Hàng tồn kho	141		32,418,523,124	25,447,862,618
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-1,415,561,757	-1,415,561,757
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,354,167,238	1,768,085,710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,857,484,938	591,476,934
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		5,000,000	126,209,633
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		491,682,300	1,050,399,143
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10,156,152,221	24,086,510,322
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		1,023,950,637	13,288,493,556
1. Tài sản cố định hữu hình	221		975,438,969	13,235,741,889
- Nguyên giá	222		3,291,711,711	16,514,311,439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-2,316,272,742	-3,278,569,550
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227		48,511,668	52,751,667
- Nguyên giá	228		121,800,000	121,800,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-73,288,332	-69,048,333
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,830,000,000	3,830,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		3,080,000,000	3,080,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		750,000,000	750,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,302,201,584	6,968,016,766
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5,217,201,584	6,883,016,766
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		85,000,000	85,000,000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		149,321,483,538	170,809,381,404
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		27,358,355,266	61,146,484,389
I. Nợ ngắn hạn	310		27,179,732,171	60,972,973,015
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2. Phải trả người bán	312		24,941,749,988	25,805,143,536
3. Người mua trả tiền trước	313		187,782,281	45,753,587
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		148,866,630	1,768,634,177
5. Phải trả người lao động	315		852,143,071	2,605,207,117
6. Chi phí phải trả	316		310,988,129	812,317,219
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		567,982,343	29,305,352,650
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		170,219,729	630,564,729
II. Nợ dài hạn	330		178,623,095	173,511,374
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		46,000,000	46,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		132,623,095	127,511,374
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121,963,128,272	109,662,897,015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Vốn chủ sở hữu	410		121,963,128,272	109,662,897,015
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		102,194,840,000	102,194,840,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-765,000,000	-765,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		-6,738,422,900	-6,550,527,860
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,778,425,126	2,778,425,126
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,423,463,735	1,423,463,735
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23,069,822,311	10,581,696,014
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		149,321,483,538	170,809,381,404
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		280,549,366	
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập Bảng

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hạnh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Cần Hữu Hải

CÔNG TY: CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội
Địa chỉ: D14 -D6 Khu Đô thị mới Cầu giấy, Đường số 3 Trần Thái Tông
Tel: 04 37.925.300 Fax: 04 37.925.301

Báo cáo tài chính
Quý 1 năm tài chính 2012

Mẫu số: Q-02d

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10,754,970,054	9,231,734,471	10,754,970,054	9,231,734,471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		21,916,462	0	21,916,462	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10,733,053,592	9,231,734,471	10,733,053,592	9,231,734,471
4. Giá vốn hàng bán	11		9,306,874,436	8,523,443,857	9,306,874,436	8,523,443,857
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		1,426,179,156	708,290,614	1,426,179,156	708,290,614
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,719,373,827	3,620,701,001	1,719,373,827	3,620,701,001
7. Chi phí tài chính	22		0	1,093,251,000	0	1,093,251,000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	1,075,000,000	0	1,075,000,000
8. Chi phí bán hàng	24		1,509,481,120	1,131,610,555	1,509,481,120	1,131,610,555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,156,283,843	950,181,039	1,156,283,843	950,181,039
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		479,788,020	1,153,949,021	479,788,020	1,153,949,021
11. Thu nhập khác	31		28,751,625,500	4,005,174	28,751,625,500	4,005,174
12. Chi phí khác	32		12,578,328,457	0	12,578,328,457	0
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		16,173,297,043	4,005,174	16,173,297,043	4,005,174
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		16,653,085,063	1,157,954,195	16,653,085,063	1,157,954,195
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4,164,958,766	292,638,549	4,164,958,766	292,638,549
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		12,488,126,297	865,315,646	12,488,126,297	865,315,646
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					

Lập Bảng

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hạnh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Cần Hữu Hải

CÔNG TY: CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội
Địa chỉ: D14 -D6 Khu Đô thị mới Cầu giấy, Đ ường số 3 Trần Thái Tông
Tel: 04 37.925.300 Fax: 04 37.925.301

Báo cáo tài chính
Quý 1 năm tài chính 2012

Mẫu số: Q-03d

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		21,595,412,275	9,948,896,080
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-16,194,313,634	-8,482,637,551
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-2,474,872,307	-1,769,959,808
4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-5,117,996,382	-1,101,740,623
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,327,777,242	95,182,000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-1,567,043,270	-845,570,778
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-1,431,036,076	-2,155,830,680
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	-24,000,000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	-800,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		777,276,413	2,763,001,001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		777,276,413	1,939,001,001
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-187,895,040	-2,318,668,080
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	-10,000,000,000
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-187,895,040	-12,318,668,080
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		-841,654,703	-12,535,497,759
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		71,549,722,915	97,601,616,643
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		70,708,068,212	85,066,118,884

Lập Bảng

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hạnh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Cần Hữu Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2012

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: D14 -D6 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Đường số Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 đồng (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.219.484 cổ phần.

Các công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	95 Phố Xuân Trường, Phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông công nghệ giáo dục	Căn hộ P.302, mảnh 2, Khu nhà ở bán cho Cán bộ chiến sỹ Báo An Ninh Thủ đô, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Thông tin về các công ty con: xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 04 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); dịch vụ hỗ trợ
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán h

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

2.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi

2.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
▪ Phần mềm quản lý	10 năm

2.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện

2.9 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất

2.10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và c

2.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân p

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tiền mặt	651,428,853	124,505,604
Tiền gửi ngân hàng	1,956,639,359	1,335,217,311
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	68,100,000,000	70,090,000,000
Cộng	70,708,068,212	71,549,722,915

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	11,942,654,521	11,942,654,521
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng	11,942,654,521	11,942,654,521

- Cho Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/2/2010 với lãi suất cho vay là 13%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/03/2012 là 7.132.654.521 đ.

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo hợp đồng tiền gửi số 383.007.350409.TG ngày 28/12/2011 với lãi suất 14%/năm, kỳ hạn 12 tháng với số tiền 310.000.000 đ.

- Cho Cty CP In Khoa học công nghệ Hà Nội vay theo hợp đồng vay vốn số 02/2011/SGDHN ngày 21/07/2011 với lãi suất 18.5%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/03/2012 là 4.500.000.000 đ.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Phải thu tiền chuyển cho Viện Khoa học Công nghệ	1,400,000,000	1,400,000,000
Phải thu tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương Đông Anh, Hà Nội	1,915,500,000	1,915,500,000
Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung Tâm XBản- P/hành SGK	200,000,000	200,000,000
Phải thu về tiền thuế TNDN tạm nộp 2% của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		579,000,000
Dự thu lãi cho vay, các khoản đầu tư		935,507,222
Phải thu khác	85,480,819	261,856,863
Cộng	3,600,980,819	5,291,864,085

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2012	1/1/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	5,212,522,855	2,444,397,885
Công cụ, dụng cụ	-	-
Vật tư giao in gia công	5,291,538,725	1,984,849,411
Thành phẩm	15,774,130,877	15,159,370,848

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

D14- D6 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Đường số 3 Trần Thái Tông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

Hàng hóa	5,266,884,552	5,099,771,754
Hàng gửi đi bán	873,446,115	759,472,720
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,415,561,757)	(1,415,561,757)
	31,002,961,367	24,032,300,861

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

7 . PHẢI THU DÀI HẠN NỘI BỘ

	31/03/2012	1/1/2012
	VNĐ	VNĐ
Cho vay dài hạn nội bộ		
Phải thu dài hạn nội bộ khác		
	-	-

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/03/2012	1/1/2012
	VNĐ	VNĐ
Thuế môn bài	5,000,000	
	5,000,000	-

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	13,482,599,728	169,187,621	2,468,394,872	394,129,218	16,514,311,439
Số tăng trong kỳ	-	-	260,000,000		260,000,000
Số giảm trong kỳ	13,482,599,728	-	-		13,482,599,728
Số dư cuối kỳ	-	169,187,621	2,728,394,872	394,129,218	3,291,711,711
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1,071,748,546	165,192,934	1,740,393,238	301,234,832	3,278,569,550
Số tăng trong kỳ	-	3,994,687	95,576,244	9,880,807	109,451,738
- Khấu hao trong kỳ		3,994,687	95,576,244	9,880,807	109,451,738
- Tăng khác					-
Số giảm trong kỳ	1,071,748,546				1,071,748,546
Số dư cuối kỳ	-	169,187,621	1,835,969,482	311,115,639	2,316,272,742
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	12,410,851,182	3,994,687	728,001,634	92,894,386	13,235,741,889
Tại ngày cuối kỳ	-	-	892,425,390	83,013,579	975,438,969

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ		20,000,000	-	101,800,000	121,800,000
Số tăng trong kỳ	-	-	-		-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	20,000,000	-	101,800,000	121,800,000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ		13,883,333	-	55,165,000	69,048,333
Số tăng trong kỳ	-	500,000	-	3,739,999	4,239,999
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>		500,000	-	3,739,999	4,239,999
- <i>Tăng khác</i>					-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	14,383,333	-	58,904,999	73,288,332
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	6,116,667	-	46,635,000	52,751,667
Tại ngày cuối kỳ	-	5,616,667	-	42,895,001	48,511,668

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	3,080,000,000	3,080,000,000
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	1,980,000,000	1,980,000,000
- Công ty ĐT & PT Trường CNGD	1,100,000,000	1,100,000,000
Đầu tư dài hạn khác	750,000,000	750,000,000
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	750,000,000	750,000,000
	3,830,000,000	3,830,000,000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Cao Bằng	55%	55%	Kinh doanh sách và thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường PTCN Giáo dục	Hà Nội	100%	65%	Kinh doanh sách và TB trường học

- Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP sách và thiết bị trường học Cao Bằng là giao dịch mua bán sách. Từ tháng 01 đến tháng 03 năm 2012 doanh thu bán sách cho Công ty CP sách và TBTH Cao bằng là 353.328.535 đ

+ Cty Cao bằng không có khoản đầu tư lớn với công ty mẹ và với ban Giám đốc

+ Không có giao dịch lớn nào của lãnh đạo với công ty, Giám đốc Cty CP sách và thiết bị trường học Cao bằng hàng tháng chỉ lĩnh tiền lương là 2.500.000đ/ tháng.

- Công ty CP sách GD tại TP HNội Không có Giao dịch mua bán sách với Cty CP ĐT & PT trường PTCN Giáo dục

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Chi phí bản thảo	5,217,201,584	6,883,016,766
Cộng	5,217,201,584	6,883,016,766

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-
- Vay ngắn hạn cty Đầu tư TCGD (1)	-	-
Cộng	-	-

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6,484,189	

Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	121,634,505	1,653,672,121
Thuế thu nhập cá nhân	20,747,936	114,962,056
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-
Cộng	148,866,630	1,768,634,177

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới	195,811,415	697,273,605
Chi phí bán thảo và phí phát hành	115,176,714	115,043,614
Chi phí điện nước phải trả		
	310,988,129	812,317,219

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	4,570,607	154,621,618
Bảo hiểm xã hội	107,003,019	49,688,920
Bảo hiểm y tế	21,601,996	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9,289,609	
Phải thu Ông Như Văn Quang		28,950,000,000
Nhuận bút phải trả Cty Dịch vụ Xuất bản	411,529,229	137,206,028
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13,987,883	13,836,084
Cộng	567,982,343	29,305,352,650

16 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Ký quỹ của các đại lý	46,000,000	46,000,000
	46,000,000	46,000,000

17 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2012	1/1/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	-	-
Cộng	-	-

Các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: VND

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	10,754,970,054	9,231,734,471
Cộng	10,754,970,054	9,231,734,471

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	9,306,874,436	8,523,443,857
Cộng	9,306,874,436	8,523,443,857

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,719,373,827	3,620,701,001
Lãi đầu tư cổ phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Doanh thu hoạt động TC khác		-
Cộng	1,719,373,827	3,620,701,001

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2011 VND
Lãi tiền vay	-	1,075,000,000
Chi phí tài chính khác	-	18,251,000
Cộng	-	1,093,251,000

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 31/03/2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16,653,085,063	1,157,954,195
Thuế TNDN hiện hành	4,164,958,766	292,638,549

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Trưởng Phòng Kế toán

Giám đốc

Phạm Thị Hạnh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Cần Hữu Hải